

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có Mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 12 tháng 8 năm 2022.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCON VIET NAM JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: CENCON., JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 ngày 12/8/2022, vốn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCoM với mã CEN.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên
Ông Lê Văn Bình	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Hà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Nguyễn Thị Xuân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Ngô Thượng Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Bình	Giám đốc
-----------------	----------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành,



Trần Mạnh Sơn
Chủ tịch HĐQT

Lào Cai, ngày 06 tháng 3 năm 2025

N: 0
CÓN
TN
ÊM
A VII
HÀ

Số: 86/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam, được lập ngày 06 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính trên cơ sở thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do những vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã nhận chuyển nhượng Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng từ ngày 16/09/2021 với giá trị 68,38 tỷ đồng. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai để sang tên cho Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam do chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa vào khai thác, vận hành. Bằng các tài liệu thu thập được, chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.9 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Ô tô Điện Cencon (nay đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Ô tô Trường Thanh) số tiền 50,4 tỷ đồng, với các tài liệu thu thập được, chúng tôi không thể đánh giá tính hiện hữu và giá trị dự phòng của khoản đầu tư này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Các giao dịch bán vàng kim hoàn của Công ty là giao dịch bằng tiền mặt, chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp lý và phù hợp của giao dịch này và ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu trên tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán số 200/BCKT-TC ngày 29/03/2024 từ chối đưa ra ý kiến do không đánh giá được tính hợp lý của các giao dịch bán vàng bằng tiền mặt, chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng Dự án Khu du lịch Khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Trường Thành việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư chưa có độ tin cậy do căn cứ vào báo cáo chưa được kiểm toán.



A blue handwritten signature, likely "Lê Mạnh Hùng", written in cursive.

Bùi Thị Thúy
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Lê Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		103.690.592.569	100.168.315.197
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.293.347.882	7.033.740.350
1. Tiền	111		4.293.347.882	7.033.740.350
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.050.674.021	4.401.644.814
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.110.045.429	2.344.240.024
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	2.938.693.592	2.056.002.290
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.935.000	1.402.500
IV. Hàng tồn kho	140		91.961.108.241	88.356.625.159
1. Hàng tồn kho	141	5.5	91.961.108.241	88.356.625.159
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		385.462.425	376.304.874
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	24.149.999	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		361.312.426	376.304.874
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		120.399.518.380	121.131.532.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.618.018.380	2.350.032.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.618.018.380	2.350.032.585
- Nguyên giá	222		3.222.039.273	3.869.166.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.604.020.893)	(1.519.133.961)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.381.500.000	68.381.500.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	68.381.500.000	68.381.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.400.000.000	50.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	50.400.000.000	50.400.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		224.090.110.949	221.299.847.782

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		5.409.154.878	2.635.659.832
I. Nợ ngắn hạn	310		5.409.154.878	2.635.659.832
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	4.122.313.114	2.506.926.215
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	221.557.126	51.235.446
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	79.414.638	77.498.171
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	19.870.000	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	966.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		218.680.956.071	218.664.187.950
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	218.680.956.071	218.664.187.950
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		217.124.400.000	217.124.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		217.124.400.000	217.124.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.769.180.000)	(1.769.180.000)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.325.736.071	3.308.967.950
- LNST chưa phân phối LK	421a		3.308.967.950	3.200.620.896
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.768.121	108.347.054
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		224.090.110.949	221.299.847.782

Lào Cai, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Ninh Chi

Phạm Trung Hải

Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	94.883.175.209	89.692.935.512
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	19.729.555
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	94.883.175.209	89.673.205.957
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	89.131.552.117	84.815.727.732
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.751.623.092	4.857.478.225
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.983.914	34.378.884
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.183.425	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.183.425	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	2.203.312.089	2.345.810.595
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	2.586.702.591	2.400.435.168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		961.408.901	145.611.346
11. Thu nhập khác	31	6.6	32.736.537	6.818
12. Chi phí khác	32	6.6	778.517.093	2.127.171
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(745.780.556)	(2.120.353)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		215.628.345	143.490.993
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	198.860.224	35.143.939
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		16.768.121	108.347.054
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	0,77	4,99

Người lập

Kế toán trưởng

Lào Cai, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Ninh Chi

Phạm Trung Hải

Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		215.628.345	143.490.993
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		525.892.195	391.037.767
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(34.561.904)	(34.378.884)
- Chi phí lãi vay	06		2.183.425	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		709.142.061	500.149.876
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.658.036.759)	11.479.768.886
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.604.483.082)	31.190.363.819
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.036.088.615	2.207.876.632
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(24.149.999)	53.812.154
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.143.939)	(111.207.927)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(394.493.279)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.971.076.382)	45.320.763.440
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.760.272.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		262.700.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(50.400.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.983.914	34.378.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		264.683.914	(52.125.893.843)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		966.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		966.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(2.740.392.468)	(6.805.130.403)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.033.740.350	13.838.870.753
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.293.347.882	7.033.740.350

Người lập

Kế toán trưởng

Lào Cai, ngày 06 tháng 3 năm 2025





Phạm Thị Ninh Chi

Phạm Trung Hải

Trần Mạnh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có Mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 12 tháng 8 năm 2022.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCON VIET NAM JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: CENCON., JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 ngày 12/8/2022, vốn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCoM với mã CEN.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B, đường Thùy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 9 người (tại ngày 31/12/2023 là: 19 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn chuyên danh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.
- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Dịch vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, cũ trường);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ mặt hàng nhà nước cấm);
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
Chi tiết: Đại lý.
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Điều hành tua du lịch;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
Chi tiết: Không bao gồm các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người và dược phẩm).
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
Chi tiết: Mua bán vàng trang sức mỹ nghệ.
- Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan;
Chi tiết: Sản xuất đá quý và bán đá quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán đá quý tái phục hồi và nhân tạo, làm kim cương.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
Chi tiết: Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ vàng bạc, đá quý và đá bán quý trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động mua, bán vàng miếng).
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Sản xuất đồ trang sức bằng vàng, bạc, kim loại quý khác và đá quý, đá bán quý, đá phong thủy.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Sản xuất kim loại quý và kim loại màu;
Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất;
Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản.
- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
Chi tiết: Hoạt động tưới, tiêu nước phụ vụ lâm nghiệp.
Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch...);
- Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp;
- Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...);
- Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Trồng cây hàng năm khác;
Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
Chi tiết: Khách sạn.
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự;
- Cơ sở lưu trú khác;
Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên.
- Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùm để nghỉ tạm;
- Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ ăn uống khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo);
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Kinh doanh thực phẩm đông lạnh, hàng kim hoàn...

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Các nội dung ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty có hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn (kinh doanh vàng, đá quý). Hầu hết doanh thu kinh doanh vàng của Công ty đều là doanh thu bằng tiền mặt, tổng giá trị doanh thu bằng tiền mặt trong năm là 676.713.353 VND (chiếm 0,7% doanh thu của Công ty).

2. KỲ KẾ TOÁN, CÔNG TY TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

N: 0
CÔNG
TNI
EM
A VIB
HA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

019
3 TY
TH
TOÁN
TNA
01

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán sau khi có Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông báo ủy quyền chia cổ tức cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng

Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ, hàng hóa trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hàng hóa đông lạnh và hàng kim hoàn... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.486.017.570	238.080.890
Tiền gửi ngân hàng	2.807.330.312	6.795.659.460
Tổng	4.293.347.882	7.033.740.350

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	4.110.045.429	2.344.240.024
Công ty TNHH Cung cấp Thực phẩm An Phát	298.277.640	1.093.291.860
Công ty TNHH SM Foods Vina	57.024.350	300.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm Kiên Hưng	-	197.210.000
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long	1.600.030.075	-
Công ty CP ĐTXD & Truyền thông Tràng An	600.352.554	-
Các khách hàng khác	1.554.360.810	753.738.164
Tổng	4.110.045.429	2.344.240.024

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải,
 thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	2.938.693.592	2.056.002.290
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long	587.305.250	1.281.002.290
Công ty TNHH Ban Mai	-	715.000.000
Công ty CP thực phẩm quốc tế Vimex Việt Nam	1.717.887.920	-
Công ty CP Sản xuất TMDV 5FOOD Việt Nam	497.414.130	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	136.086.292	60.000.000
Tổng	2.938.693.592	2.056.002.290

5.4 Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.935.000	-	1.402.500	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.300.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	102.000	-
Bảo hiểm y tế	1.935.000	-	-	-
Tổng	1.935.000	-	1.402.500	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	91.961.108.241	-	88.356.625.159	-
<i>Hàng đông lạnh</i>	34.827.620.894	-	30.743.702.286	-
<i>Hàng kim hoàn</i>	57.109.301.347	-	57.587.279.880	-
<i>Hàng hóa khác</i>	24.186.000	-	25.642.993	-
Tổng	91.961.108.241	-	88.356.625.159	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	24.149.999	-
Phí bảo hiểm và phí cập nhật dữ liệu chờ phân bổ	24.149.999	-
Tổng	24.149.999	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024	3.821.021.091	48.145.455	3.869.166.546
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	(647.127.273)	-	(647.127.273)
Thanh lý, nhượng bán	(647.127.273)	-	(647.127.273)
Số dư tại 31/12/2024	3.173.893.818	48.145.455	3.222.039.273
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024	1.483.671.979	35.461.982	1.519.133.961
Tăng trong năm	513.208.722	12.683.473	525.892.195
Khấu hao trong năm	513.208.722	12.683.473	525.892.195
Giảm trong năm	(441.005.263)	-	(441.005.263)
Thanh lý, nhượng bán	(441.005.263)	-	(441.005.263)
Số dư tại 31/12/2024	1.555.875.438	48.145.455	1.604.020.893
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2024	2.337.349.112	12.683.473	2.350.032.585
Số dư tại 31/12/2024	1.618.018.380	-	1.618.018.380

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2024 là: 901.050.910 VND (tại 01/01/2024: 0 VND).

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 1.454.272.727 VND và 1.242.191.291 VND.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí mua sắm tài sản dở dang	68.381.500.000	68.381.500.000
Dự án khách sạn nhà hàng Lan Huy Hoàng (*)	68.381.500.000	68.381.500.000
Tổng	68.381.500.000	68.381.500.000

(*) Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng tại phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai có diện tích 10.232 m² với quy mô: Nhà khách sạn 7 tầng, nhà điều hành, sân tennis, bể bơi, sân vườn bê tông... nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai theo hợp đồng chuyển nhượng Dự án số 1609/2021/CNTS-CENCON ngày 16/9/2021. Giá chuyển nhượng đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 170/2021/CEN/NQ-HĐQT ngày 16/9/2021.

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng Dự án giữa Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam và được văn phòng công chứng Lê Thu Hằng tỉnh Lào Cai xác nhận ngày 12/7/2023 và hoàn thành các thủ tục thanh toán tiền chuyển nhượng. Hiện tại, hồ sơ nhận chuyển nhượng đã nộp tới Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi từ Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai do Công trình chưa đủ điều kiện để xem xét chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng theo quy định. Hiện tại, Công ty đang phối hợp cùng Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai hoàn thiện các thủ tục để nhận chuyển nhượng Dự án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2024			01/01/2024		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết			50.400.000.000		-	50.400.000.000		-
Công ty CP Ô tô Trường Thành	48,00%	48,00%	50.400.000.000	(*)	-	50.400.000.000	(*)	-
Tổng			50.400.000.000		-	50.400.000.000		-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết về đơn vị nhận vốn góp đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
Công ty CP Ô tô Trường Thành	Thôn Nam Giang, xã Thanh Thủy, Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	48,00%	48,00%	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

Theo Báo cáo tài chính mới nhất của Công ty tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, tổng vốn góp của Chủ sở hữu tại Công ty CP Ô tô Trường Thành là 105.000.184.952 đồng. Trong năm 2024, Công ty chưa có những hoạt động cụ thể để sử dụng và mang lại thu nhập từ số vốn đã góp.

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	4.122.313.114	4.122.313.114	2.506.926.215	2.506.926.215
Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn	194.400.000	194.400.000	190.800.000	190.800.000
Công ty TNHH Thực phẩm Angiafood	-	-	845.381.660	845.381.660
Công ty CP Đại Tân Việt tại Hà Nội	-	-	1.322.286.400	1.322.286.400
CN Công ty Cổ phần Đại Tân Việt tại Hà Nội	2.608.921.350	2.608.921.350	-	-
Công ty CP Thực phẩm Thiên Vương	-	-	133.038.870	133.038.870
Công ty TNHH Thực phẩm Tuần Long	513.374.160	513.374.160	-	-
Các đối tượng khác	805.617.604	805.617.604	15.419.285	15.419.285
Tổng	4.122.313.114	4.122.313.114	2.506.926.215	2.506.926.215

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải,
 thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	51.235.446	685.375.875	515.054.195	221.557.126
Thuế giá trị gia tăng	791.507	22.081.647	3.959.827	18.913.327
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.143.939	198.860.224	35.143.939	198.860.224
Thuế thu nhập cá nhân	15.300.000	66.940.725	78.457.150	3.783.575
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	397.493.279	397.493.279	-

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	79.414.638	77.498.171
Chi phí lãi vay phải trả	2.183.425	-
Chi phí dịch vụ phải trả	77.231.213	77.498.171
Tổng	79.414.638	77.498.171

5.13 Phải trả khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	19.870.000	-
Tiền thù lao phải trả	12.000.000	-
Phải trả khác	7.870.000	-
Tổng	19.870.000	-

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	966.000.000	966.000.000	966.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (*)	966.000.000	966.000.000	966.000.000	-	-	-
Tổng	966.000.000	966.000.000	966.000.000	-	-	-

(*) Hợp đồng cấp tín dụng số 266644.24.076.3269888.TD ký ngày 13/12/2024 với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm. Hạn mức cho vay 20 tỷ đồng, mục đích cấp tín dụng: phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm đông lạnh của khách hàng (không tài trợ lĩnh vực kinh doanh vàng bạc, đá quý). Thời hạn duy trì hạn mức tính dụng: kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 06/12/2025. Số tiền cho vay, lãi suất chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ. Hình thức vay có tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải theo GCN số 24 000072 biển kiểm soát 24A-258.44 do phục vụ CSGT Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 27/10/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2023	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.200.620.896	218.555.840.896
Tăng trong năm	-	-	108.347.054	108.347.054
Lãi trong năm trước	-	-	108.347.054	108.347.054
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.308.967.950	218.664.187.950
Tại ngày 01/01/2024	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.308.967.950	218.664.187.950
Tăng trong năm	-	-	16.768.121	16.768.121
Lãi trong năm nay	-	-	16.768.121	16.768.121
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.325.736.071	218.680.956.071

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Cổ phần		Số tiền	Tỷ lệ	Vốn đã ghi nhận	
	SL	VND			31/12/2024	01/01/2024
Cổ đông	SL	VND	%	VND	VND	
Vốn góp của các Cổ đông	21.712.440	217.124.400.000	100%	217.124.400.000	217.124.400.000	
Tổng	21.712.440	217.124.400.000	100%	217.124.400.000	217.124.400.000	

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	217.124.400.000	217.124.400.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	217.124.400.000	217.124.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.712.440	21.712.440
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.712.440	21.712.440
+ Cổ phiếu phổ thông	21.712.440	21.712.440
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.712.440	21.712.440
Cổ phiếu phổ thông	21.712.440	21.712.440

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải,
thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng kim hoàn	676.713.353	8.137.979.000
Doanh thu bán hàng hóa thực phẩm	94.206.461.856	81.554.956.512
Tổng	94.883.175.209	89.692.935.512
<i>Các khoản giảm trừ (thuế GTGT theo PP trực tiếp)</i>	-	19.729.555
Tổng	94.883.175.209	89.673.205.957

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng kim hoàn	477.978.533	7.940.683.451
Giá vốn bán hàng hóa thực phẩm	88.653.573.584	76.875.044.281
Tổng	89.131.552.117	84.815.727.732

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.983.914	34.378.884
Tổng	1.983.914	34.378.884

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	2.183.425	-
Tổng	2.183.425	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải,
 thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	2.203.312.089	2.345.810.595
Chi phí nhân viên bán hàng	1.310.269.758	1.194.040.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	677.125.609	449.236.941
Chi phí bằng tiền khác	215.916.722	702.533.654
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.586.702.591	2.400.435.168
Chi phí nhân viên quản lý	1.754.365.143	1.460.684.615
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	7.689.640	37.747.724
Chi phí khấu hao TSCĐ	525.892.195	391.037.767
Thuế, phí, lệ phí	6.945.650	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	242.494.780	440.251.634
Chi phí bằng tiền khác	49.315.183	67.713.428
Tổng	4.790.014.680	4.746.245.763

6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu lãi thanh lý tài sản	32.577.990	-
Thu nhập khác	158.547	6.818
Tổng	32.736.537	6.818
Chi phí khác		
Xuất hàng hủy	366.160.492	-
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm, thuế	394.512.282	1.919.701
Chi phí khác	17.844.319	207.470
Tổng	778.517.093	2.127.171
Lợi nhuận khác	(745.780.556)	(2.120.353)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	215.628.345	143.490.993
Điều chỉnh tăng	778.672.774	32.228.701
<i>Các khoản phạt hành chính, phạt chậm nộp</i>	<i>394.512.282</i>	<i>30.309.000</i>
<i>Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách</i>	<i>18.000.000</i>	<i>1.919.701</i>
<i>Xử lý hàng hủy</i>	<i>366.160.492</i>	<i>-</i>
Tổng thu nhập tính thuế	994.301.119	175.719.694
Thuế suất áp dụng hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	198.860.224	35.143.939

N: ...
 CỘP
 T N
 IẾM
 A V
 H A

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.768.121	108.347.054
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.768.121	108.347.054
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	21.712.440	21.712.440
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	0,77	4,99

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.689.640	37.747.724
Chi phí nhân công	3.064.634.901	2.654.724.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	525.892.195	391.037.767
Thuế, phí lệ phí	6.945.650	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	919.620.389	889.488.575
Chi phí bằng tiền khác	265.231.905	770.247.082
Tổng	4.790.014.680	4.746.245.763

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan

Ông Trần Mạnh Sơn
 Ông Lê Văn Bình
 Ông Nguyễn Hữu Thường
 Bà Vũ Thị Hải Yến
 Bà Trần Thị Hà (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
 Bà Nguyễn Thị Xuân (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
 Ông Vũ Minh Chính (Miễn nhiệm 26/6/2023)
 Ông Ngô Thượng Hưng (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
 Bà Nguyễn Thị Dung (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
 Công ty CP Ô tô Trường Thanh
 Và các Cổ đông, cá nhân thân cận trong gia đình của các bên liên quan.

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
 Thành viên HĐQT
 Trưởng Ban Kiểm soát
 Thành viên Ban Kiểm soát
 Thành viên Ban Kiểm soát
 Thành viên Ban Kiểm soát
 Thành viên Ban Kiểm soát
 Thành viên Ban Kiểm soát
 Công ty liên kết
 Ảnh hưởng đáng kể

0107
 IG T
 HH
 TOA
 ETN
 NỘI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các Bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	201.120.000
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	-	12.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT, người CBTT	12.000.000	12.000.000
Tổng		12.000.000	225.120.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Ông Vũ Minh Chính (Miễn nhiệm 26/6/2023)	Thành viên Ban Kiểm soát	-	3.000.000
Ông Ngô Thượng Hưng (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Dung (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000	-
Tổng		6.000.000	3.000.000
Thu nhập của Giám đốc và những người quản lý khác			
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	220.890.000	82.980.000
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	216.990.000	-
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát	44.305.556	130.460.000
Bà Trần Thị Hà (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	Thành viên Ban Kiểm soát	123.240.000	145.620.000
Bà Nguyễn Thị Xuân (Bỏ nhiệm ngày 26/6/2023, Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	Thành viên Ban Kiểm soát	125.640.000	89.140.000
Tổng		731.065.556	448.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Báo cáo bộ phận

Công ty phân chia hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh hàng thực phẩm đông lạnh, và hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn để lập báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn	Hoạt động kinh doanh hàng hóa thực phẩm	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	676.713.353	94.206.461.856	94.883.175.209
Chi phí bộ phận	477.978.533	88.653.573.584	89.131.552.117
Kết quả kinh doanh bộ phận	198.734.820	5.552.888.272	5.751.623.092
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			4.790.014.680
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			961.608.412
Doanh thu hoạt động tài chính			1.983.914
Chi phí tài chính			2.183.425
Thu nhập khác			32.736.537
Chi phí khác			778.517.093
Thuế TNDN hiện hành			198.860.224
Lợi nhuận sau thuế			16.768.121

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn	Hoạt động kinh doanh hàng hóa thực phẩm	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	8.137.979.000	81.535.226.957	89.673.205.957
Chi phí bộ phận	7.940.683.451	76.875.044.281	84.815.727.732
Kết quả kinh doanh bộ phận	197.295.549	4.660.182.676	4.857.478.225
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			4.746.245.763
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			111.232.462
Doanh thu hoạt động tài chính			34.378.884
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			6.818
Chi phí khác			2.127.171
Thuế TNDN hiện hành			35.143.939
Lợi nhuận sau thuế			108.347.054

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải,
thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Lào Cai, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Ninh Chi

Phạm Trung Hải

Trần Mạnh Sơn